TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST
Ngày: 28-4-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hạnh

2. Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Tấn Q, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn A, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn H; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 11/10/2022).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký tạm trú: 49/X đường số 2, khu phố Y, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông H có mặt; ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Tấn Q và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ chỗ quen biết nên ngày 18/10/2020 ông có cho ông Nguyễn Thành D vay số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng) để làm ăn; thời hạn vay là 03 tháng; lãi suất 02 bên thỏa thuận là 01%/tháng. Khi cho ông D vay tiền thì giữa ông và ông D có lập hợp đồng cho mượn tiền ngày 18/10/2020, ông D trực tiếp ghi và ký tên vào hợp đồng này. Tuy nhiên, sau khi vay được số tiền trên của ông thì né tránh, không chịu trả nợ gốc và lãi cho ông; ông đã nhiều lần yêu cầu ông D trả nợ nhưng ông Dung chỉ hứa hẹn mà không trả. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thành D có nghĩa vụ trả cho ông 10.000.000đồng (mười triệu đồng) tiền nợ gốc; về lãi suất ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các các văn bản tố tụng khác cho bị đơn ông Nguyễn Thành D nhưng ông D không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án; không tham gia các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Tấn Q. Buộc ông Nguyễn Thành D phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Tấn Q 10.000.000đồng (mười triệu đồng); về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xét. Ông Nguyễn Thành D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Lê Tấn Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thành D thực hiện nghĩa vụ trả nợ

theo hợp đồng cho mượn tiền ngày 18/10/2020. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Khi xác lập hợp đồng vay tài sản của ông Lê Tấn Q thì ông Nguyễn Thành D có nơi cư trú tại Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, theo xác nhận của Công an phường P thì hiện nay ông D không có mặt tại địa phương và có đăng ký tạm trú tại: 49/X đường số 2, khu phố Y, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài việc niêm yết văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Thành D tại nơi cư trú khi ký kết hợp đồng thì Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho ông D theo địa chỉ nơi đăng ký tạm trú do Công an phường P cung cấp nhưng cũng không tống đạt được. Việc ông D thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho bên có quyền là ông Lê Tấn Q biết là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015. Ngoài ra, trong hợp đồng cho mượn tiền ngày 18/10/2020 các bên không thỏa thuận địa điểm thực hiện hợp đồng. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì địa điểm thực hiện hợp đồng là nơi cư trú của ông Lê Tấn Q. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn lựa chọn Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.3] Bị đơn ông Nguyễn Thành D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn ông Lê Tấn Q vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ hợp đồng cho mượn tiền ngày 18/10/2020 do nguyên đơn ông Lê Tấn Q cung cấp, có căn cứ xác định: Ngày 18/10/2020, ông Nguyễn Thành D có vay của ông Lê Tấn Q số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng). Tại hợp đồng cho mượn tiền ngày 18/10/2020 thể hiện thời hạn vay tiền là 03 tháng từ ngày 18/10/2020 đến ngày 18/01/2021 và ông D hứa chậm nhất là đến ngày 18/11/2021 sẽ trả đầy đủ số tiền trên cho ông Q. Tuy nhiên, theo trình bày của nguyên đơn ông Lê Tấn Q thì sau khi mượn tiền ông D thường xuyên tránh né, mặc dù ông Q đã nhiều lần yêu ông D trả nợ nhưng ông D vẫn không trả.

[2.2] Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án và các các văn bản tố tụng khác cho bị đơn ông Nguyễn Thành D theo quy định của pháp luật nhưng ông D không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn nên phải chịu hậu quả theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.3] Việc bị đơn ông Nguyễn Thành D không trả đầy đủ khoản nợ cho nguyên đơn ông Lê Tấn Q khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, ông Lê Tấn Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thành D có nghĩa vụ trả cho ông Q 10.000.000đồng (mười triệu đồng) tiền nợ gốc là có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Đối với tiền lãi: Nguyên đơn ông Lê Tấn Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Tấn Q được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Thành D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản mà ông D phải trả cho ông Q là: 10.000.000đồng x 5% = 500.000đồng. Nguyên đơn ông Lê Tấn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Q số tiền tạm ứng án phí mà ông Q đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, g khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 và khoản 3 Điều 228, các điều 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn Q.

2. Buộc ông Nguyễn Thành D phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Tấn Q 10.000.000đồng (mười triệu đồng).

3. Về tiền lãi: Ông Lê Tấn Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Thành D phải chịu 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Lê Tấn Q 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004060 ngày 11/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Nguyên đơn ông Lê Tấn Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Nguyễn Thành D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong